

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2019

V/v Xin ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tú Anh

2. Bà Nguyễn Tuyết Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Thanh N, sinh năm 1972, nơi cư trú Tổ 22, ấp Hòa B, xã Nguyễn Văn Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. ( có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 nơi đăng ký thường trú ấp Bờ L, xã Vĩnh Bình N, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang, nơi tạm trú Tổ 06, ấp Hòa Bì, xã Nguyễn Văn Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long ( có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 16/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Thanh N trình bày:*

Vào năm 2009 anh N và chị Nguyễn Thị M tự tìm hiểu quen biết nhau, về sống chung với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, không có cho tặng nữ trang. Anh N và chị Nguyễn Thị M không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân là do lúc về sống chung chị M thường hay bỏ nhà đi nên anh không tin tưởng chị M

nên không có đi đăng ký kết hôn, anh biết pháp luật quy định khi anh và chị M sống chung với nhau thì phải đi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn.

Anh N và chị M sống chung tại ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm và có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013, hiện cháu Đ đang sống chung với anh N.

Trong thời gian chung sống anh chị không có tạo lập ra được tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai thiếu nợ anh N và chị M.

Nguyên nhân anh N xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M do trong thời gian sống chung anh N và chị M thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, do đời sống kinh tế tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay bất hòa cự cãi với nhau về kinh tế gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh N và chị M đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành, sống chung không có hạnh phúc. Anh N và chị M đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Anh N xác định tình cảm với chị M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: cháu Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 anh N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh N và chị M tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*\* Ý kiến trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị M:*

Chị Muội thông nhất với lời trình bày của anh Đặng Thanh N về hôn nhân, con chung và mâu thuẫn gia đình là đúng, chị và anh N không có đăng ký kết hôn, lúc mới về sống chung chị có kêu anh N đi đăng ký kết hôn nhưng anh N không chịu đi, chị không biết nguyên nhân gì mà anh N không chịu đi. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh N và đã sống ly thân, đối với yêu cầu khởi kiện của anh N thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Đặng Thanh N.

- Về con chung: Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: chị M và anh N tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn trình bày gì thêm.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Đặng Thanh N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Về con chung cháu Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 anh N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản Anh N và chị M tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M thống nhất lời trình bày của anh N về hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Anh N xin ly hôn chị M thì chị đồng ý. Về con chung cháu Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chị M và anh N tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị M cư trú tại tổ 06, ấp Hòa B, xã Nguyễn Văn Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thanh N và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau từ năm 2009 không đăng ký kết hôn. Do đó, về hôn nhân anh, chị đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên giữa anh Đặng Thanh N và chị Nguyễn Thị M không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Cháu Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013, anh N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị M đồng ý để anh Nam tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh, chị. Chị M không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh N không được ngăn cản.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh Đặng Thanh N và chị Nguyễn Thị M thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đặng Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14,53,81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Thanh N và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao Cháu Đặng Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 13/12/2013 cho anh Đặng Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Đặng Thanh N và chị Nguyễn Thị M thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Đặng Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011064 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh Đặng Thanh N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS. H Bình Tân;
- UBND xã Nguyễn Văn Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
( Đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**